

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGD-ST  
Ngày: 20/12/2017  
Về việc “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cương Lĩnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Nguyệt Quế - Nguyên bí thư huyện Đoàn Vĩnh Thạnh;

2/ Ông Lê Phước Hưng – phó Chủ tịch UBND xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H; nơi cư trú: Khu vực A, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Lương Minh C; nơi cư trú: ấp D, xã M, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Bà H, ông C đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày như sau:

Về hôn nhân giữa bà H và ông C đến với nhau là do quen biết khoảng 01 năm, sau đó tự nguyện về chung sống từ năm 1983, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 1991 bà và ông C bắt đầu có mâu thuẫn, do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường

xuyên cải vả, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy bà và ông C đã ly thân từ năm 1991 đến nay. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông C, hôn nhân không thể kéo dài nên bà xin được ly hôn với ông C.

Về con: Trong thời gian chung sống bà H và ông C có 01 con chung tên Lương Thị T, sinh năm 1987. Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi gì khác. Nay chị T đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự nuôi sống bản thân, không phụ thuộc vào cha mẹ nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản và nợ: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Lương Văn C trình bày như sau:

Về hôn nhân: ông C thống nhất ông và bà H là quen biết khoảng 01 năm, sau đó tự nguyện về chung sống từ năm 1983, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng.

Vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn, do cuộc sống hôn nhân có nhiều bất đồng quan điểm, không ai chịu nhường nhịn ai nên mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó ông và bà H đã sống ly thân từ năm 1991 cho đến nay; trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Do thời gian ly thân đã lâu tình cảm vợ chồng không còn nên qua yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông cũng đồng ý.

Về con: ông C thống nhất có 01 con chung tên Lương Thị T, sinh năm 1987. Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi gì khác. Nay con chung đã thành niên nên ông cũng không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản và nợ: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa:

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông C, không yêu cầu giải quyết về con chung cũng như tài sản.

Ông C đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà H, cũng như không yêu cầu giải quyết về con cái cũng như tài sản.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không xem xét vấn đề con cái, cũng như sự tự thỏa thuận về tài sản của các đương sự.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân của bà H và ông C là hoàn toàn tự nguyện, tuy không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn, nhưng bà H và ông C tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1983 nên xem là hôn nhân thực tế. Trong thời gian chung sống bà H và ông C luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, chứng tỏ tình cảm của ông, bà dành cho nhau không đủ lớn để vượt qua khó khăn thử thách, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải, vận động ông, bà bỏ qua mâu thuẫn trở về chung sống đoàn tụ nhưng không thành, bà H và ông C vẫn thống nhất ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Về con: Cả bà H và ông C đều thống nhất có 01 con chung là Lương Thị T, sinh năm 1987. Nay chị T đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự nuôi sống bản thân, không phụ thuộc vào bà H và ông C nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ: bà H và ông C thống nhất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 9, 51, 53, 58, 69, 71 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận bà Lâm Thị H và ông Lương Minh C thuận tình ly hôn.

Về con: không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản và nợ: không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí bà H đã nộp theo biên lai số AB/2013/009448 ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ. Bà H không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Cương Lĩnh**

